

DIỆN TÍCH RỪNG VÀ DIỆN TÍCH CHƯA THÀNH RỪNG PHÂN THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG NĂM ...

Toàn quốc/tỉnh/xã/chủ rừng nhóm II

Đơn vị tính: ha

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

	tre nứa																		
4	Rừng cau dừa	1340																	
IV	DIỆN TÍCH CHUẢ THÀNH RỪNG	2000																	
1	Diện tích đã trồng cây rừng	2010																	
2	Diện tích có cây tái sinh	2020																	
3	Diện tích khác	2030																	

Người tổng hợp
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột 6 = Cột 4 + Cột 5 = Cột 7 + Cột 13 + Cột 19 + Cột 20;
- Cột 5: Diện tích giảm ghi số âm; diện tích tăng ghi số dương;
- Cột 7 = Cột 8 + Cột 9 + Cột 10 + Cột 11 + Cột 12;
- Cột 13 = Cột 14 + Cột 15 + Cột 16 + Cột 17 + Cột 18;
- Mã 0000 = Mã 1100 + Mã 2010;
- Mã 1100 = Mã 1200; Mã 1110 = Mã 1300.